

Bản án số 168/2022/DS-PT

Ngày 14/6/2022

V/v Tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4877/2022/QĐPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Trần Bảo L, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đồng T, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

2. Ông Trần Bảo Ch, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn Nà Gi, xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

3. Ông Trần Bảo L1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Nà Gi, xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Trần Bảo T1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Nà Gi, xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Bảo T2, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 7, thị trấn Đồng T, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

2. Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đồng T, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

3. Anh Trần Mạnh H2, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 5, thị trấn Đồng T, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Mỹ H3, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 5, thị trấn Đồng T, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Ngọc T3 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Chợ M; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Lê Phúc M1, sinh năm 1978; vắng mặt.

7. Chị Phan Thị Ph, sinh năm 1977; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977; vắng mặt.

9. Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1940; vắng mặt.

10. Chị Trần Thị Th1, sinh năm 1971; vắng mặt.

11. Cháu Trần Bảo Nh, sinh năm 2001; vắng mặt.

12. Cháu Trần Bảo Y, sinh năm 2001; vắng mặt.

Đều trú tại: thôn Nà Gi, xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn.

13. chị Trần Thị O; địa chỉ: xã Đon, xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

14. Anh Trần Bảo H4; địa chỉ: thôn Nà Gi, xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

15. Chị Trần Thị S; trú tại: xã Yên C, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

16. Chị Trần Thị T4; địa chỉ: Phiêng D, xã Yên C, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

17. Chị Trần Thị Q; địa chỉ: bản T5, xã Yên C, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

18. Chị Trần Thị V; địa chỉ: Phiêng D, xã Yên C, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

19. Anh Trần Bảo V1; địa chỉ: Thôn B, xã Bình V2, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

20. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nông Trường S - Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Chợ M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án

(1). Ông Trần Bảo L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về nguồn gốc đất có tranh chấp: là tài sản của cụ Ma Thị K, năm 1960 cụ K có giao nộp toàn bộ sổ đất ruộng cho Hợp tác xã Bản Mộc, từ năm 1960 đến năm 1989: đất do hợp tác xã quản lý.

Đến khoảng năm 1989, hợp tác xã tan rã dần vì không có ai nộp khoán cho hợp tác xã, lúc đó các hộ nhận lại phần đất trước đó đã giao nộp hợp tác xã và chia nhau sử dụng, phần đất đai của cụ Ma Thị K đã giao nộp trước đó cho hợp tác xã được các con của cụ Ma Thị K nhận lại và chia thành 04 suất gồm: ông Trần Bảo Đ, ông Trần Bảo L2, ông Trình Văn Đ1 và ông Trần Bảo L trong đó ông Trần Bảo L được chia phần đất ruộng tại xứ đồng Tồng Nghịu.

Năm 1994, UBND huyện Phú Lương tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trần Bảo L không kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 14/4/2000 có cuộc họp phân chia lại đất ruộng và có phân chia điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, trong đó cụ Ma Thị K là mẹ đẻ của các ông Trần Bảo L2, Trần Bảo Đ và Trần Bảo L đứng ra phân chia ruộng đất, tại cuộc họp ngày 14/4/2000 có lập biên bản có tên là Biên bản chia thừa kế cho các con gồm: ông Trần Bảo Đ, bà Trình Thị Đ2 (vợ của ông Trần Bảo L2, đã chết) và ông Trần Bảo L.

Một phần biên bản chia thừa kế có nội dung như sau: *“Để lại phần diện tích làm hương hỏa chung cho 03 anh em họ Trần gồm: Thôn Cái Tồng Nghịu chưa rõ diện tích và 03 thửa Ca Lậu gồm có diện tích $125m^2 + 125m^2 + 100m^2 = 350m^2$ giao cho ông Trần Bảo Đ có trách nhiệm bảo quản để thờ cúng, không được phép chuyển nhượng phân chia, nếu không làm nghĩa vụ thờ cúng thì 3 anh em có quyền thu hồi”*. Trong biên bản chia cụ K không ký tên điểm chỉ và không có xác nhận của địa phương.

Sau khi cụ K lập biên bản phân chia đất đai mỗi người đều sử dụng phần đất đúng như đã được chia. Đến năm 2006 thì ông Trần Bảo Đ cùng con trai là Trần Bảo T1 đã san lấp 03 thửa đất có tổng diện tích là $350m^2$ để làm nhà ở, dòng họ Trần biết rõ sự việc nhưng vì lúc đó cụ K vẫn ở chung với gia đình ông Đ nên không ai có ý kiến.

Năm 2007 cụ K chết, năm 2008 ông Đ chết, tháng 5/2012 anh T1 đã tự ý chuyển nhượng thửa đất ao diện tích $575m^2$ “chính là Thôn Cái Tồng Nghịu chưa rõ diện tích ghi trong biên bản chia thừa kế” cho anh Lê Phúc M1 không thông qua dòng họ. Lúc này, dòng họ phát hiện 04 thửa đất làm hương hỏa chung cho 03 anh em dòng họ Trần trong Biên bản chia thừa kế ngày 14/4/2000 của cụ K, anh T1 đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T1 từ năm 2003.

Bốn thửa đất làm hương hỏa được xác định trong Biên bản chia thừa kế ngày 14/4/2000 theo bản đồ địa chính năm 2012 thể hiện là các thửa số 41, diện tích $132m^2$; thửa số 59, diện tích $273m^2$; thửa số 61, diện tích $575m^2$ mà UBND huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/12/2013 cho hộ anh Trần Bảo T1.

Nguyên đơn cho rằng hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của anh T1 là hồ sơ giả, chữ ký trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải chữ ký của anh T1 và đã yêu cầu cơ quan Công an giám định đối với chữ ký của ông Đ và anh T1 trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa số 41, diện tích 132m²; thửa số 59, diện tích 273m²; thửa số 61, diện tích 575m² đều thuộc tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã Yên H, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn cho dòng họ để duy trì là đất hương hỏa dòng họ Trần.

- Vì hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T1 là hồ sơ giả mạo, không được tiến hành theo đúng quy định về thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị hủy Quyết định số 2415/QĐ-UB ngày 15/12/2003 của UBND huyện Chợ M về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Trần Bảo T1 đối với các thửa đất số 41, thửa 59, thửa 61 tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính năm 2003 của xã Yên H.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh Trần Bảo T1 và anh Lê Phúc M1 đối với thửa số 61 diện tích 575m² thuộc tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã Yên H.

Theo Biên bản họp dòng họ ngày 23/10/2012 và Biên bản họp dòng họ ngày 13/11/2016 họp thống nhất những người được thừa hưởng đối với phần đất hương hỏa dòng họ gồm:

Ngôi thứ nhất: ông Trần Bảo Đ (đã chết), ông Trần Bảo L2 (đã chết) bà Trịnh Thị Đ2 (vợ ông L2), ông Trần Bảo L.

Ngôi thứ hai: bà Trần Thị Th1, anh Trần Bảo T1, ông Trần Bảo Ch, ông Trần Bảo L1, anh Trần Bảo T2, anh Trần Mạnh H, anh Trần Mạnh H2.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Bảo L, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2019/DS-PT ngày 15/11/2019 có nêu cấp sơ thẩm chưa làm rõ hiện trạng các thửa đất số 41, 59, 61 tờ bản đồ số 21 không thể hiện rõ tứ cận thửa đất tranh chấp, do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các thửa đất tranh chấp, các bên đương sự cầm mốc xác định diện tích tranh chấp.

- Theo đó phần diện tích tranh chấp thứ nhất theo bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện tổng diện tích 433,7m², trong đó có 226,7m² thuộc thửa số 59 tờ bản đồ số 21; diện tích 112,5m² thuộc thửa số 41 tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích 78,0m² thuộc thửa số 42 tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích 16,5m² không thuộc các thửa đất trên.

Theo bản đồ địa chính địa chính năm 2014 thuộc thửa số 16 tờ bản đồ số 28.

- Phần tranh chấp thứ hai thuộc thửa số 61 tờ bản đồ số 21 Bản đồ địa chính năm 2002.

Theo bản đồ địa chính năm 2014 phần diện tích tranh chấp thuộc thửa số 29 và thửa số 74 tờ bản đồ số 28 và một phần diện tích thuộc hành lang giao thông, tổng diện tích 710,8m², trong đó 33,5m² thuộc đất đã thu hồi làm đường TL 256, diện tích 34,0m² thuộc thửa số 74 tờ bản đồ địa chính 28 và 50,8m² lấn chiếm đường giao thông và nương thủy lợi, diện tích còn lại 592,5m² thuộc thửa số 29 tờ bản đồ số 28.

Ông Trần Bảo L khẳng định phần diện tích dành để làm đất hương hỏa được chia theo biên bản thừa kế ngày 14/4/2000 là phần diện tích ông L đã xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2020.

Nay ông Trần Bảo L khởi kiện yêu cầu:

1. Anh Trần Bảo T1 trả lại phần diện tích đất theo bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện tổng diện tích 433,7m², trong đó có 226,7m² thuộc thửa số 59 tờ bản đồ số 21; diện tích 112,5m² thuộc thửa số 41 tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích 78,0m² thuộc thửa số 42 tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích 16,5m² không thuộc các thửa đất trên là đất hàng lang giao thông. Theo bản đồ địa chính năm 2014 diện tích đất 433,7m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ số 28.

- Phần diện tích đất thứ hai thuộc thửa số 61 tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính năm 2002. Theo bản đồ địa chính năm 2014 phần diện tích tranh chấp thuộc thửa số 29 và thửa số 74 tờ bản đồ số 28 và một phần diện tích thuộc hành lang giao thông, tổng diện tích 710,8m², trong đó 33,5m² thuộc đất đã thu hồi làm đường TL 256, diện tích 34,0m² thuộc thửa số 74 tờ bản đồ địa chính 28 và 50,8m² lấn chiếm đường giao thông và nương thủy lợi, diện tích còn lại 592,5m² thuộc thửa số 29 tờ bản đồ số 28.

Để làm đất hương hỏa chung cho dòng họ Trần.

2. Yêu cầu Tòa án Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh Trần Bảo T1 và anh Lê Phúc M1 đối với thửa số 61 diện tích 575m² thuộc tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã Yên H.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Bảo T1 thuộc các thửa số 41, 59, 42 và thửa số 61 tờ bản đồ số 21, do anh T1 đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 thể hiện thửa số 16 tờ bản đồ số 28, do vậy đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 209780 của UBND huyện Chợ M cấp ngày 31/12/2013 và quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo.

(2). Ông Trần Bảo Ch trong quá trình giải quyết vụ án uỷ quyền cho ông Trần Bảo L tham gia vụ kiện và trong các lời khai trình bày: Ngày 14/4/2000, cụ Ma Thị K có gọi các con cháu trong gia đình họp có ông Trần Bảo Đ, ông Trần Bảo L, anh Trần Bảo L1 và anh Trần Bảo Ch và bà Trịnh Thị Đ2 đến chia ruộng đất, trong đó có để lại các thửa đất để làm hương hỏa chung cho dòng họ và giao cho ông Trần Bảo Đ quản lý và về quá trình quản lý đất đai từ khi ông Đ tiếp quản cho đến khi cụ Ma Thị K và ông Trần Bảo Đ chết đúng như lời trình bày của ông

Trần Bảo L và anh Trần Bảo Ch đã uỷ quyền cho ông Trần Bảo L tham gia vụ kiện.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2019, ông Trần Bảo Ch trình bày: ông Ch không tiếp tục khởi kiện và cũng không uỷ quyền cho ông L.

Ngày 16/10/2019, ông Trần Bảo Ch có đơn xin rút đơn khởi kiện.

(3). Ông Trần Bảo L1 trong quá trình giải quyết vụ án uỷ quyền cho ông Trần Bảo L tham gia vụ kiện và có các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 14/4/2000, cụ Ma Thị K có gọi các con cháu trong gia đình họp có ông Trần Bảo Đ, ông Trần Bảo L, Anh Trần Bảo L1 và anh Trần Bảo Ch và bà Trịnh Thị Đ2 đến chia ruộng đất, trong đó có để lại các thửa đất để làm hương hỏa chung cho dòng họ và giao cho ông Trần Bảo Đ quản lý và về quá trình quản lý đất đai từ khi ông Đ tiếp quản cho đến khi cụ Ma Thị K và ông Trần Bảo Đ chết đúng như lời trình bày của ông Trần Bảo L và anh Trần Bảo Ch đã uỷ quyền cho ông Trần Bảo L tham gia vụ kiện.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2019, ông Trần Bảo L1 trình bày: Ông L1 không tiếp tục khởi kiện và cũng không uỷ quyền cho ông L.

Ngày 16/10/2019, ông Trần Bảo L1 có đơn xin rút đơn khởi kiện.

** Bị đơn anh Trần Bảo T1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Các thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu trả lại có nguồn gốc là đất của bà nội là Ma Thị K và bố đẻ là Trần Bảo Đ để lại cho ông sử dụng. Trước đây các thửa đất này có đưa vào Hợp tác xã và sau đó Hợp tác xã giải thể thì bố ông là người đứng ra nhận lại đất. Khi ông xây dựng gia đình ở chung với bà nội và bố mẹ. Năm 2003 có chủ trương kê khai đất để cấp sổ, cụ K đồng ý cho ông và bố cùng đến UBND xã Yên H để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Bảo T1. Ngày 15/12/2003 anh T1 đã được UBND huyện Chợ M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất nêu trên. Việc cụ Ma Thị K lập biên bản chia thừa kế để lại 04 thửa đất làm đất hương hỏa cho dòng họ, anh T1 không biết. Anh T1 xác định 03 thửa đất anh đang sử dụng không phải là tài sản chung của dòng họ và không phải là những thửa đất hương hỏa ghi trong biên bản chia thừa kế của cụ Ma Thị K lập ngày 14/4/2000 do nguyên đơn cung cấp.

Về việc làm thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003 anh T1 cùng bố đẻ là ông Trần Bảo Đ đến UBND xã Yên H làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó trong gia đình bà và bố mẹ đều thống nhất cho anh đứng tên trong giấy chứng nhận mặc dù lúc đó bố ông vẫn là chủ hộ nhưng mọi việc gia đình đều do anh gánh vác. Anh T1 khẳng định chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất là của anh ký còn phần nội dung trong đơn là cán bộ viết hộ. Theo anh việc đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đã làm đúng trình tự, thủ tục theo quy định, gia đình anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với hồ sơ đã đăng

ký kê khai năm 2003. Từ trước năm 2000 đến năm 2012 gia đình anh đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai đến năm 2012 khi anh chuyển nhượng 01 thửa đất ao cho anh Lê Phúc M1 thì mới xảy ra tranh chấp.

Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng cho anh Lê Phúc M1 đối với thửa số 61 diện tích 575m² thuộc tờ bản đồ số 21. Do nhà nghèo, cuộc sống khó khăn không có điều kiện để hoàn thiện căn nhà, do vậy năm 2012 ông đã chuyển nhượng cho ông M1 thửa đất ao để lấy tiền hoàn thiện căn nhà hiện nay đang ở. Việc chuyển nhượng đất giữa hai bên là tự nguyện và tuân theo quy định của pháp luật về đất đai. Nay bị đơn không chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Ông Trần Bảo L có yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T1 và anh Lê Phúc M1, anh T1 đề nghị giữ nguyên hợp đồng chuyển nhượng, trong trường hợp hợp đồng vô hiệu, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

(1) UBND huyện Chợ M: Đại diện theo uỷ quyền ông Dương Văn Hà trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Năm 2003, UBND huyện Chợ M tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Yên H, là đợt làm thủ tục cấp chung cho toàn xã, trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có khiếu nại.

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Trần Bảo T1 trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh T1 không có ngày tháng năm và không phải là chữ ký của anh T1 là thiếu sót trong quá trình làm hồ sơ, tuy nhiên toàn bộ đất đai được cấp đúng đối tượng và đúng người sử dụng và từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2003 cho đến năm 2012 không có tranh chấp với ai. UBND huyện Chợ M đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Bảo T1 là đúng quy định, phù hợp với quy định pháp luật. Không cần thiết huỷ quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì không làm thay đổi bản chất của vụ việc.

(2) *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Đ2 khai ngày 16/01/2013:*

Ngày 14/4/2000 bà Đ2 được mẹ chồng là cụ Ma Thị K gọi đến nhà ông Trần Bảo Đ để họp chia đất đai cho các con, sau đó cụ K có lập biên bản chia thừa kế, trong biên bản có nội dung để lại bốn thửa đất làm đất hương hỏa chung cho ba anh em họ Trần, các thửa đất không có số thửa, chỉ có số diện tích vì bà Đ2 không biết chữ nên để cho con trai là Trần Bảo Ch và Trần Bảo L1 ký tên thay (bà Đ2 chết năm 2014).

(3) *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th khai:*

Bà Th kết hôn với ông Trần Bảo Đ năm 1962, chung sống với cụ K từ đó cho đến khi cụ K chết. Khi bà Th về chung sống với gia đình nhà chồng thì nhà ở

ngay bên trên căn nhà anh T1 hiện nay. Năm 2006 do nhà rách nát không thể ở được nữa, anh em họ hàng đến giúp san lấp mấy thửa ruộng bên dưới và giúp dựng nhà để ở. Năm 2007 cụ K chết, năm 2008 ông Đ chết, khi ông Đ chết căn nhà mới chỉ được dựng lên và lợp bằng Proximăng chưa được hoàn thiện. Bà Th cùng vợ chồng anh T1 sinh sống ở căn nhà đó từ đó đến nay. Khi cụ K còn sống, cụ K có nói với bà Th là đất đai đã được bà chia phần cho ông L2, ông L, phần còn lại bà cho ông Đ và bà Th quản lý, sử dụng. Bà Th về sinh sống cùng gia đình chồng từ năm 1962 đến năm 2012 không tranh chấp với ai, trước khi cụ K và ông Đ chết không thấy ai nói đến đất hương hỏa của dòng họ, bà Th không biết đến Biên bản chia thừa kế lập ngày 14/4/2000. Năm 2003 nhà nước có chủ trương cho người dân kê khai để cấp quyền sử dụng đất, khi đó cụ K và ông Đ còn sống, gia đình thống nhất cho con trai là Trần Bảo T1 đứng tên làm thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Nay bà không nhất trí với toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn.

(4) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X (vợ của bị đơn anh Trần Bảo T1) khai:

Chị kết hôn với anh Trần Bảo T1 năm 1997 và sống chung với bố mẹ chồng là ông Trần Bảo Đ, bà Đinh Thị Th và bà nội chồng là cụ Ma Thị K. Vợ chồng anh chị sử dụng toàn bộ đất đai của bố mẹ chồng để lại từ đó đến nay không có ai tranh chấp. Nay phía nguyên đơn yêu cầu trả lại 03 thửa đất, chị không nhất trí vì các thửa đất trên đều đã được Nhà nước giao quyền sử dụng từ năm 2003.

(5). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Th, chị Nguyễn Thị X, cháu Trần Bảo Nh, cháu Trần Bảo Ý (con trai của anh Trần Bảo T1): là những người trực tiếp sinh sống trên thửa đất uỷ quyền cho anh Trần Bảo T1 tại văn bản uỷ quyền ngày 16/6/2020.

(6). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phúc M1 và chị Phan Thị Ph khai:

Ngày 18/5/2012 vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Trần Bảo T1 và chị Nguyễn Thị X đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 21, diện tích 575m² đất ao, giá chuyển nhượng thực tế với số tiền 80.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng chỉ ghi số tiền 11.500.000 đồng mục đích để thuê chuyển nhượng ít đi. Việc chuyển nhượng đất giữa hai bên đều là tự nguyện và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai. Nay anh M1, chị Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Anh M1, chị Ph không nhất trí với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Việc Toà án giải quyết vụ án, anh Lê Phúc M1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong trường hợp Toà án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

(7). Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Đại diện theo uỷ quyền ông Nông Trường S - giám đốc Ngân hàng Agribank chi nhánh

huyện Chợ M được uỷ quyền thường xuyên theo Điều 1, Quyết định số 2965/QĐ-NHNo -PC, ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Agribank về uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Tại Văn bản số 09/NHNo.CM.m về việc cung cấp thông tin và cử người tham gia tố tụng - ngày 17/7/2020 trình bày: Anh Trần Bảo T1 vay của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Chợ M số tiền 100 triệu đồng, hiện tại dư nợ 95 triệu đồng và anh T1 có nộp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 209780 thuộc thửa số 16 tờ bản đồ số 28, khoản vay không áp dụng biện pháp đảm bảo. Đề nghị không tiến hành hoà giải liên quan đến việc xem xét huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 209780.

(8). Chị Trần Thị Th1 (con đẻ của ông Trần Bảo Đ) quá trình giải quyết vụ án trình bày: Nguồn gốc đất hiện nay có tranh chấp giữa ông Trần Bảo L và anh Trần Bảo T1 có nguồn gốc do cụ Ma Thị K sinh sống cùng ông Trần Bảo Đ nên đất đai thuộc sở hữu của ông Trần Bảo Đ. Do anh T1 sinh sống của ông Trần Bảo Đ, anh T1 được ông Đ chia đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với đất tranh chấp không liên quan đến quyền lợi của chị Trần Thị Th1 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th1 nhận được các văn bản tố tụng nhưng do không liên quan đến quyền lợi của chị Th1 nên chị Th1 không tham gia tố tụng.

(9) Chị Trần Thị Q (con đẻ của ông Trần Bảo Đ) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay có tranh chấp giữa ông Trần Bảo L và anh Trần Bảo T1 có nguồn gốc do cụ Ma Thị K sinh sống cùng ông Trần Bảo Đ nên đất đai thuộc sở hữu của ông Trần Bảo Đ. Do anh T1 sinh sống của ông Trần Bảo Đ, anh T1 được ông Đ chia đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất đai thuộc sở hữu của anh T1 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị Trần Thị Q.

(10). Chị Trần Thị S (con đẻ ông Trần Bảo Đ) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay có tranh chấp giữa ông Trần Bảo L và anh Trần Bảo T1 có nguồn gốc do cụ Ma Thị K sinh sống cùng ông Trần Bảo Đ nên đất đai thuộc sở hữu của ông Trần Bảo Đ. Do anh T1 sinh sống của ông Trần Bảo Đ, anh T1 được ông Đ chia đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị S đề nghị Toà án giải quyết xác định đất có tranh chấp thuộc sở hữu của anh Trần Bảo T1.

(11). Anh Trần Bảo V1 trình bày tại đơn đề nghị từ chối tham gia vụ án ngày 12/8/2020: Anh V1 không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến đất hiện nay có tranh chấp giữa ông Trần Bảo L và anh Trần Bảo T1 đề nghị Toà án không triệu tập.

(12). *Chị Trần Thị V*: tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/8/2020 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

(13). *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án gồm*: chị Trần Thị O, chị Trần Thị T4, anh Trần Bảo H4, anh Trần Mạnh Hoan, anh Trần Mạnh H2, chị Trần Thị Mỹ H3 trong quá trình giải quyết vụ án không nêu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định: Áp dụng: Điều 34; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 156, Điều 157, Điều 158; Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí dân sự; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bảo L về việc buộc anh Trần Bảo T1 trả lại các phần diện tích đất để dành vào mục đích hương hoả gồm:

- Phần diện tích đất 433,7m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính năm 2014 (theo bản đồ năm 2002 thể hiện tổng diện tích 433,7m², trong đó có 226,7m² thuộc thửa số 59 tờ bản đồ số 21; 112,5m² thuộc thửa số 41 tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích 78,0m² thuộc thửa số 42 tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích 16,5m² không thuộc các thửa đất trên thuộc đất hàng lang).

- Phần tranh chấp thứ hai diện tích đất 710,8m² thuộc thửa số 29 và thửa số 74 tờ bản đồ số 28 Bản đồ địa chính năm 2014 (trong đó 33,5m² thuộc đất đã thu hồi làm đường TL 256, diện tích 34,0m² thuộc thửa số 74 tờ bản đồ địa chính 28 và 50,8m² lấn chiếm đường giao thông và mương thủy lợi, diện tích còn lại 592,5m² thuộc thửa số 29 tờ bản đồ số 28).

(Có sơ đồ toạ độ chiều dài cách cạnh kèm theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 16/6/2020).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo L về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Chợ M cấp ngày 15/12/2003 đứng tên anh Trần Bảo T1 và quyết định của UBND huyện Chợ M về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Bảo T1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo L về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK209780 ngày 31/12/2013 của UBND huyện Chợ M đứng tên anh Trần Bảo T1 và một phần quyết định của UBND huyện Chợ M về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Trần Bảo T1.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo L về việc huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Bảo T1 và anh Lê Phúc M1 ngày 18/5/2012 đối với thửa đất số 61 tờ bản đồ số 21 (Bản đồ địa chính năm 2002).

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bảo Ch, anh Trần Bảo Ch có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bảo L1, anh Trần Bảo L1 có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2021, nguyên đơn ông Trần Bảo L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Trần Bảo L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trình bày: Về nguồn gốc đất có tranh chấp là tài sản của cụ Ma Thị K. Ngày 14/4/2000 cụ K lập biên bản phân chia thừa kế có nội dung như sau: “*Để lại phần diện tích làm hương hỏa chung cho 03 anh em họ Trần gồm: Thôm Cái Tổng Nghiệu chưa rõ diện tích và 03 thửa Ca Lậu gồm có diện tích $125m^2 + 125m^2 + 100m^2 = 350m^2$ giao cho ông Trần Bảo Đ có trách nhiệm bảo quản để thờ cúng, không được phép chuyển nhượng phân chia, nếu không làm nghĩa vụ thờ cúng thì 3 anh em có quyền thu hồi*”. Trong biên bản chia cụ K không ký tên điểm chỉ và không có xác nhận của địa phương.

Sau khi cụ K lập biên bản phân chia đất đai mỗi người đều sử dụng phần đất đúng như đã được chia. Đến năm 2006 thì ông Trần Bảo Đ cùng con trai là anh Trần Bảo T1 đã san lấp 03 thửa đất có tổng diện tích là $350m^2$ để làm nhà ở, dòng họ Trần biết rõ sự việc nhưng vì lúc đó cụ K vẫn ở chung với gia đình ông Đ nên không ai có ý kiến. Năm 2007 cụ K chết, năm 2008 ông Đ chết, tháng 5/2012 anh T1 đã tự ý chuyển nhượng thửa đất ao diện tích $575m^2$ “chính là Thôm Cái Tổng Nghiệu chưa rõ diện tích ghi trong biên bản chia thừa kế” cho anh Lê Phúc M1 không thông qua dòng họ. Lúc này, dòng họ phát hiện 04 thửa đất làm hương hỏa chung cho 03 anh em dòng họ Trần trong Biên bản chia thừa kế ngày 14/4/2000 của cụ K, anh T1 đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T1 từ năm 2003; chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của anh T1 là giả mạo.

Nay ông không nhất trí với bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc anh Trần Bảo T1 trả lại các phần diện tích đất để dành vào mục đích hương hỏa.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự đã tuân thủ các quy định pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự

2. Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 217, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 203 Luật đất đai; Điều 73 Luật đất đai năm 1993; các Điều 637, 670 và 739 Bộ Luật dân sự năm 1995, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Bảo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Bảo L nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Trần Bảo Ch, ông Trần Bảo L1; bị đơn anh Trần Bảo T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Bảo T2, anh Trần Mạnh H1, anh Trần Mạnh H2, chị Trần Thị Mỹ H3, UBND huyện Chợ M, anh Lê Phúc M1, chị Phan Thị Ph, chị Nguyễn Thị X, bà Đinh Thị Th, chị Trần Thị Th1, cháu Trần Bảo Nh, cháu Trần Bảo Ý, chị Trần Thị O, anh Trần Bảo H4, chị Trần Thị S, chị Trần Thị T4, chị Trần Thị Q, chị Trần Thị V, anh Trần Bảo V1, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ông Trần Bảo L không nhất trí với bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc anh Trần Bảo T1 trả lại các thửa đất thửa số 16 tờ bản đồ số 28, năm 2014 diện tích đất 433,7m²; thửa số 29 và thửa số 74 tờ bản đồ số 28, năm 2014 diện tích 710,8m²; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh Trần Bảo T1 và anh Lê Phúc M1 đối với thửa số 61 diện tích 575m² thuộc tờ bản đồ số 21; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Bảo T1 năm 2014 thể hiện thửa số 16 tờ bản đồ số 28, thấy:

[2.1] Cụ Ma Thị K và cụ Trần Bảo M1g (đã chết), khi còn sống hai cụ sinh được 3 người con gồm: Ông Trần Bảo Đ (chết năm 2008, có vợ bà Đinh Thị Th, các con là chị Trần Thị O, chị Trần Thị Th1, chị Trần Thị S, anh Trần Bảo T1, chị Trần Thị Q); ông Trần Bảo L2 (chết năm 1998, có vợ bà Trình Thị Đ2 đã chết; các con là chị Trần Thị V, anh Trần Bảo H4, anh Trần Bảo L1, anh Trần Bảo V1, anh Trần Bảo T2, chị Trần Thị); ông Trần Bảo L.

Về nguồn gốc thửa đất số 41, 59 tờ bản đồ số 21 (Bản đồ địa chính năm 2002) theo bản đồ địa chính năm 2014 thể hiện thuộc một phần thửa đất số 16 tờ bản đồ số 28 diện tích 433,7m²; thửa số 61 tờ bản đồ số 21 (Bản đồ địa chính năm 2002) theo bản đồ địa chính năm 2014 phần diện tích tranh chấp thuộc thửa số 29 và thửa số 74 tờ bản đồ số 28 và một phần diện tích thuộc hành lang giao thông, tổng diện tích 710,8m², trong đó 33,5m² thuộc đất đã thu hồi làm đường TL 256, diện tích 34,0m² thuộc thửa số 74 tờ bản đồ địa chính 28 và 50,8m² lấn chiếm đường giao thông và nương thủy lợi, diện tích còn lại 592,5m² thuộc thửa số 29

tờ bản đồ số 28; Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất của cụ K đã đưa vào Hợp tác xã từ năm 1960, khi Hợp tác xã tan rã năm 1989, trong gia đình đã chia nhau để nhận đất. Điều này phù hợp với sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ năm 1986 và Công văn số 108/UBND-ĐC ngày 18/9/2019 của UBND xã Yên H thể hiện là thửa đất số 114 diện tích 168m² và thửa số 115 diện tích 416m², trong sổ đăng ký ruộng đất thể hiện người kê khai, trực tiếp canh tác, quản lý sử dụng đất từ năm 1989 đến năm 1994 ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng số 10 thửa đất, tuy nhiên đến năm 2003, các thửa đất số 102 diện tích 206m², thửa số 119 diện tích 430m² tờ bản đồ số 3 được chuyển sang cho ông Trần Bảo L thể hiện các thửa đất 107 diện tích 310m², thửa số 108, diện tích 414m² tờ bản đồ số 22 (Bản đồ địa chính năm 2002) và thửa 204 diện tích 392m² tờ bản đồ số 2 (bản đồ đo vẽ năm 1985) được chuyển sang cho anh Trần Bảo Ch thể hiện thửa số 240 tờ bản đồ số 22 diện tích 362m² (Bản đồ địa chính năm 2002). Trước khi cụ K, ông Đ chết, ông Đ đã sang tên diện tích đất cho anh Trần Bảo T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 và 2013, ông Trần Bảo Đ và anh T1 đã san lấp 03 thửa đất và làm nhà ở chung bao gồm ông Đ, cụ K. Cụ K, ông L và những người trong gia đình biết nhưng không có ý kiến, khiếu nại về việc anh T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như việc san lấp làm nhà, chỉ sau khi ông Đ mất, anh T1 bán đất bán cho anh Lê Phúc M1 ông L mới có ý kiến. Như vậy, có thể xác định việc cụ K và ông Đ đã thể hiện ý chí của mình là giao quyền sở hữu về tài sản cho anh T1 là có cơ sở pháp lý.

[2.2] Việc ông Đ cho rằng trước khi cụ Ma Thị K chết, ngày 14/4/2000 cụ K hợp chia đất cho các con với nội dung: *"Để lại phần diện tích làm hương hỏa chung cho 03 anh em họ Trần gồm: Thôn Cái Tổng Nhị chưa rõ diện tích và 03 thửa Ca Lậu gồm có diện tích 125m² + 125m² + 100m² = 350m² giao cho ông Trần Bảo Đ có trách nhiệm bảo quản để thờ cúng, không được phép chuyển nhượng phân chia, nếu không làm nghĩa vụ thờ cúng thì 3 anh em có quyền thu hồi"*. Tuy nhiên Văn bản phân chia đất ngày 14/4/2000 không có bản chính và cụ K không ký, điểm chỉ và không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; Trong khi đó các thửa đất cụ K phân chia không mang tên cụ K mà mang tên ông Đ. Mặt khác sau khi viết văn bản chia đất cho 3 anh em họ Trần đã không đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục phân chia để xác định quyền sở hữu, cũng như làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại các biên bản hoà giải tranh chấp tại UBND xã Yên H và tại nhà anh T1, anh T1 chỉ khai: *"đất đai của bố tôi để thừa kế cho tôi thì tôi có quyền định đoạt, không nhất trí việc trao đổi với dòng họ, đất tôi đã bán đi tôi cũng không chuộc nữa"*. Do đó không có cơ sở xác định Văn bản phân chia đất ngày 14/4/2000 là hợp pháp, nên không có giá trị pháp lý.

Căn cứ lời khai của các bên đương sự thể hiện phong tục tập quán tại địa phương: Bố mẹ sống cùng con, thì người con được thêm phần đất của bố mẹ, với mục đích dành phần đất đó là phần tài sản để nuôi dưỡng bố mẹ.

[3] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Như đã phân tích tại các mục [2.1], [2.2], yêu cầu kháng cáo của ông L buộc anh T1 phải trả lại các thửa đất số 41, 59, 42 và thửa số 61 tờ bản đồ số 21 không được chấp nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T1 là đúng đối tượng và đúng người sử dụng, tuy nhiên trong đơn xin đăng ký sử dụng đất của anh T1 có thiếu sót về phần không ghi ngày, tháng, năm làm đơn, những thiếu sót này không cần thiết buộc phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không cần thiết phải hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Chợ M đã cấp.

[4] Đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trần Bảo T1 với anh Lê Phúc M1 đối với thửa 61, tờ bản đồ 21, diện tích 575m² thấy: Việc anh T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh M1 là hợp pháp, không trái pháp luật. Do đó, không có căn cứ để hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Bảo L buộc anh T1 phải trả lại các thửa đất số 41, 59, 42 và thửa số 61 tờ bản đồ số 2; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh Trần Bảo T1 và anh Lê Phúc M1 đối với thửa số 61 diện tích 575m² thuộc tờ bản đồ số 21; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Bảo T1 năm 2014 thể hiện thửa số 16 tờ bản đồ số 28.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Bảo L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bảo L; Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ dân sự thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đối với các nội dung kháng cáo.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Bảo L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02085 ngày 22/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

Phạm Việt Hà